

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 641/2023/DS-PT

Ngày: 19/12/2023

V/v tranh chấp “Đòi quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Nhân

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hồng Tâm

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Dũ, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp: “Đòi quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 90/2023/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 776/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Tấn L, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Tấn L: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1957. (có mặt)

Địa chỉ: 1 L, tổ A, khu phố H, phường E, TP., tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Tấn L: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1944. (có mặt)

Địa chỉ: Số F Rạch G, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền:

- Anh Trương Minh T, sinh năm 1977. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Anh Trương Mạnh Đ1, sinh năm 1984. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phan Thị H, sinh năm 1955. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Ông Trương Thành L1, sinh năm 1954.

3.3. Chị Trương Thị Mai C, sinh năm 1979.

3.4. Chị Trương Thị Mai H1, sinh năm 1981.

3.5. Chị Trương Thị Mai X, sinh năm 1985.

3.6. Chị Trương Thị Mai L2, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của ông L1, chị C, chị H1, chị X, chị L2: Anh Trương Minh T và Trương Mạnh Đ1 (có mặt).

3.7. Anh Trương Mạnh Đ1, sinh năm 1984. Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3.8. Anh Trương Minh T, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3.9. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt).

3.10. Lê Thị Mỹ H2, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

3.11. Lê Thị Mỹ D1, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

3.12. Lê Thị Kim C1, Sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Đang cư trú tại: Ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Ngô Tấn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung ghi ngày 06/10/2012 và đơn khởi kiện bổ sung ghi ngày 09/6/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Ngô Tấn L và đại diện nguyên đơn trình bày:***

Ông Ngô Tấn L có phần đất diện tích đất 2.397m² thuộc thửa 908, tờ bản đồ số 1, tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do việc canh tác không thuận lợi nên vào năm 1992, ông L thỏa thuận hoán đổi phần đất trên với ông Lê Minh V để lấy 03 thửa đất của ông V diện tích khoảng 5.000m² cùng tọa lạc tại ấp B,

xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang bao gồm: Thửa 985, diện tích 1.080 m², thửa 986 diện tích 3.318m² và thửa 987 diện tích 1.548m², đất do ông V đứng tên theo hồ sơ sổ mục kê 299. Lúc hoán đổi đất của ông L và ông V đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi nhận đất của ông V, ông L trực tiếp canh tác được hơn một năm thì thỏa thuận chuyển nhượng hết các thửa đất cho bà Nguyễn Thị Đ với giá 7,5 cây vàng 24k, có làm giấy tay ngày 16/7/1992 nhưng do bà Đ đưa thiếu vàng nên ông L chỉ chuyển nhượng thửa 985 và 986 cho bà Nguyễn Thị Đ, không chuyển nhượng thửa 987 nhưng không có sửa lại giấy tay ngày 16/7/1992. Do đất của ông V hoán đổi cho ông L chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông L để cho ông V làm thủ tục chuyển nhượng đất cho bà Đ thay cho ông L.

Năm 1997 bà Đ đã đăng ký kê khai thửa đất 987 thành thửa 396 diện tích 1.513m² nằm trong tổng diện tích 12.623m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo sổ vào sổ 02237 ngày 24/9/1997 của Ủy ban nhân dân huyện C cho hộ bà Nguyễn Thị Đ.

Sau khi chuyển nhượng đất cho bà Đ, ông L tiếp tục canh tác thửa 987 đến năm 2012 thì ông phát hiện bà Đ đã chiếm hết thửa đất để trồng sầu riêng nên phát sinh tranh chấp.

Nay ông L yêu cầu bà Đ phải trả lại thửa đất số 987, diện tích 1.513m² (diện tích thực đo là 1918.8m²), hiện nay là một phần diện tích của thửa 69, tờ bản đồ 35, diện tích 6.016m² theo bản đồ địa chính khu đất trích đo ngày 03/7/2013 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

Ông L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02237/QSDD91/186 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 24/7/1997 cho bà Nguyễn Thị Đ.

Ông L thống nhất bản đồ địa chính trích đo ngày 05/7/2013 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 06/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản tranh chấp. Trường hợp yêu cầu của ông L được chấp nhận, ông L đồng ý bồi thường lại giá trị cây trồng trên đất tranh chấp lại cho bà Đ theo biên bản định giá tài sản ngày 06/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản tranh chấp.

**** Theo bản trình bày ý kiến ngày 10/7/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Người đại diện bị đơn Nguyễn Thị Đ trình bày:***

Năm 1992, Bà Nguyễn Thị Đ và ông Trương Thành L1 có thỏa thuận chuyển nhượng của ông Ngô Tấn Lâm p đất diện tích khoảng 5.000m² với giá 7,5 cây vàng 24k, hai bên lập giấy tay ghi ngày 16/7/1992, bà Đ đã đưa đủ vàng, nhận đất canh tác từ năm 1992 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1997. Nguồn gốc đất ông L chuyển nhượng là do ông L hoán đổi đất với ông V. Do đất của ông V hoán đổi cho ông L chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông L giao cho ông V làm thủ tục chuyển nhượng đất cho bà Đ thay ông L.

Thủ tục chuyển nhượng đất đã hoàn tất, bà Đ đã giao đủ số vàng chuyển nhượng đất, đã nhận đất canh tác từ năm 1992 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997, trong đó có thửa đất ông L đang tranh chấp hiện nay có diện tích thực đo là 1.918.8m², thuộc một phần diện tích của thửa 69, tờ bản đồ 35, diện tích 6.016m² theo bản đồ địa chính khu đất trích đo ngày 03/7/2013 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

Do vậy Bà Đ không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Tấn L.

Bản án sơ thẩm số 90/2023/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 130, 131 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 73 Luật đất đai năm 1993; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Tấn L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả lại thửa đất 987, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.513m² (diện tích thực đo là 1.918.8m²), là một phần diện tích của thửa 69, tờ bản đồ 35, diện tích 6.016m² theo bản đồ địa chính khu đất trích đo ngày 03/7/2013 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Tấn L về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02237/QSDD91/186 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 24/7/1997 cho bà Nguyễn Thị Đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo các đương sự.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Tấn L hoặc hủy toàn bộ bản án DSST.

- Bị đơn không đồng ý yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm;

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến tranh luận tại phiên tòa (có bài phát biểu), Kiểm sát viên có ý kiến như sau: Bản án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Về phần án phí xét thấy ông Ngô Tấn Lâm s năm 1958, hiện nay đã trên 60 tuổi, thuộc trường hợp người cao tuổi nên miễn án phí DSST cho ông L. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Tấn L. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy về phần án phí.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

Xét Đơn kháng cáo của ông Ngô Tấn L nộp trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Xét Đơn kháng cáo bổ sung của ông Nguyễn Văn G nộp ngày 09/10/2023 khi hết thời hạn thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng thời theo giấy ủy quyền ngày 04/10/2023, ông Ngô Tấn L chỉ ủy quyền cho ông Nguyễn Văn g tham dự phiên tòa phúc thẩm, không có nội dung ủy quyền kháng cáo bổ sung nên không được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp: “Đòi quyền sử dụng đất” là phù hợp quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Tấn L, yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả lại thửa đất 987, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.513m² (diện tích thực đo là 1.918.8m²), xét thấy:

Xét các bên đương sự thừa nhận: Ông Ngô Tấn L có thỏa thuận chuyển nhượng hết các thửa đất ông L hoán đổi của ông Lê Minh V diện tích khoảng 5.000m² cho bà Nguyễn Thị Đ với giá 7,5 cây vàng 24k, có làm giấy tay ngày 16/7/1992; diện tích đất tranh chấp hiện nay có diện tích thực đo là 1.918.8m², thuộc một phần của thửa 69, tờ bản đồ 35, diện tích 6.016m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02237/QSDD91/186 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 24/7/1997 cho bà Nguyễn Thị Đ; Nguồn gốc thửa đất là của ông Lê Minh V đứng tên đăng ký sổ mục kê và sổ địa chính. Ông L và bà Đ thống nhất, ông Lê Minh V đứng tên các thửa đất nên để ông V trực tiếp làm thủ tục chuyển nhượng

đất cho bà Đ. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định tình tiết nêu trên là đúng sự thật.

Xét ông L cho rằng sau khi làm giấy nhượng đất ngày 16/7/1992, ông L có thay đổi chỉ chuyển nhượng cho bà Đ thửa đất 985, 986, không chuyển thửa 987 nhưng ông không có sửa lại nội dung trong giấy nhượng đất ngày 16/7/1992. Khi làm thủ tục chuyển nhượng đất, ông V chuyển nhượng cho bà Đ cả 03 thửa đất hoán đổi cho ông L trong đó có thửa 987 mà ông không biết là không có căn cứ. Bởi lẽ, nội dung giấy chuyển nhượng đất giữa ông L và bà Đ ghi ngày 16/7/1992 không có nói cụ thể chuyển nhượng thửa nào, chỉ thể hiện chuyển nhượng toàn bộ các thửa đất đổi của ông V và ngày 14/10/1993 ông V đã làm đơn xin chuyển nhượng thành quả lao động và chuyển nhượng quyền sử dụng đất sang cho bà Nguyễn Thị Đ toàn bộ 03 thửa đất là đúng thỏa thuận của các bên.

Xét nguồn gốc: Theo sổ đăng ký ruộng đất và sổ mục kê ruộng đất hồ sơ 299 đất ruộng được lập năm 1982 của xã T, huyện C do ông Lê Minh V đứng tên tại ấp B gồm 03 thửa; 985, 986 và 987”. Ngày 14/10/1993, ông Lê Minh V (Lê Minh D2) có đơn xin chuyển nhượng thành quả lao động và chuyển nhượng QSDĐ từ ông Lê Minh D2 sang cho bà Nguyễn Thị Đ (bút lục 83) có nội dung: “chuyển QSDĐ có diện tích 6.254m² đất lúa, số thửa 985 + 986 + 396”. Ngày 25/6/1997, bà Đ làm đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận cho bà Nguyễn Thị Đ.

Xét hiện trạng: Theo giấy xác nhận ngày 31/10/2012 của Ủy ban nhân dân xã T (bút lục 27) có nội dung: “theo sổ mục kê 299, thửa đất tranh chấp là thửa đất số 396, tập đoàn B, diện tích 1.513m², do bà Nguyễn Thị Đ kê khai đăng ký và được cấp GCN-QSDĐ ngày 24/9/1997 và theo bản đồ 299 của Ủy ban nhân dân xã T thì thửa 396 tương ứng với thửa 987 trong bản trích lục hồ sơ 299 của Trung tâm công nghệ thông tin”. Theo Công văn trả lời số 97 ngày 14/10/2014 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C (bút lục 85): “Thửa đất 396, diện tích 1.513m² có số vào sổ 02237 cấp ngày 24/9/1997 và phần tranh chấp đo đạc thực tế diện tích 1.918,8m², cắt ra từ thửa 69, tờ bản đồ 35 do Văn phòng đăng ký đất đai huyện C lập ngày 05/7/2013 là cùng một vị trí”. Như vậy, có đủ căn cứ xác định phần đất tranh chấp có diện tích thực đo 1.918.8m², thuộc một phần diện tích của thửa 69, tờ bản đồ 35, diện tích 6.016m² tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của bà Nguyễn Thị Đ.

Xét quá trình sử dụng: Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ toàn bộ diện tích tranh chấp 1.918,8m² do bà Nguyễn Thị Đ quản lý sử dụng liên tục từ năm 1992 đến nay, đã lên liếp trồng cây lâu năm, sử dụng ổn định, có hàng rào ranh giới rõ ràng.

Xét quá trình giải quyết vụ án, ông L xác định chỉ tranh chấp đòi bà Nguyễn Thị Đ trả lại quyền sử dụng đất chứ không tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, không yêu cầu xem xét việc bà Đ giao vàng không đầy đủ; ông L cũng không có tranh chấp hợp đồng hoán đổi đất với ông V. Đồng

thời, ông L không có bất kỳ tài liệu chứng cứ gì chứng minh diện tích 1.918.8m² thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông L.

Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Tấn L là đúng quy định pháp luật.

Ông Ngô Tấn L kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Tấn L.

[4] Về án phí: Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Ngô Tấn L là người cao tuổi nhưng chỉ miễn án phí cho ông L 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và buộc ông L phải chịu 200.000 đồng án phí DSST là không phù hợp theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và hướng dẫn tại Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Do vậy, HĐXX sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm về phần án phí miễn toàn bộ án phí DSST cho ông Ngô Tấn L.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Ngô Tấn L.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 148, Điều 296, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Tấn L. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 90/2023/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (về phần án phí).

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 130, 131 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 73 Luật đất đai năm 1993; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Tấn L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả lại thửa đất 987, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.513m² (diện tích thực đo là 1.918.8m²), thuộc một phần diện tích của thửa 69, tờ bản đồ 35, diện tích 6.016m² theo bản đồ địa chính khu đất trích đo ngày 03/7/2013 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C (có sơ đồ kèm theo), có tứ cận:

- Đông: thửa đất 103;
- Tây: Giáp Rạch công cộng;
- Nam: Sông Ngũ H3;

- Bắc: Giáp phần còn lại của thửa đất;

2. Về chi phí tố tụng: Không xem xét.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Tấn L yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02237/QSDD91/186 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 24/7/1997 cho bà Nguyễn Thị Đ.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Ngô Tấn L.

H4 lại cho ông Ngô Tấn L 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 008694 ngày 01/10/2012 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

H4 lại cho ông L 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 14541 ngày 26/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Ngô Tấn L.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Nhàn